

“TIÊU ĐIỂM” TRONG NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ NGOẠI HÌNH TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THI PHƯƠNG*

Abstract: Appraisal language, which conveys a speaker's or writer's attitudes, personal emotions and judgments, plays an important role in evaluating a recipient's activities, phenomena and attributes. This study investigates appraisal language related to appearance in Vietnamese from the perspective of Appraisal Theory within Systemic-Functional Linguistics. Specifically, it studies the subsystem of “Focus”, an important component in the Graduation sub-system of Appraisal framework (Martin and White, 2005), as it applies to appearance-related appraisal in Vietnamese.

Keywords: *Focus, Attitude, Graduation, Appraisal language, Appraisal framework.*

1. Đặt vấn đề

Theo quan điểm của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, đánh giá là một trong ba nguồn nghĩa diễn ngôn chính tạo nên nghĩa liên nhân. Martin và White (2005) xác định trong hệ thống đánh giá, ngôn ngữ là phương tiện để thể hiện cảm xúc, thái độ hoặc sự đánh giá của chủ thể - người sử dụng ngôn ngữ đối với các sự vật, hiện tượng và con người. Hệ thống ngôn ngữ đánh giá được thể hiện trên ba bình diện: Thái độ (Attitude), Thang độ (Graduation) và Giọng điệu (Engagement). Thái độ và Giọng điệu có đặc điểm chung là khả năng phân cấp độ (gradability) và Thang độ chính là hệ thống điều chỉnh mức độ phân cấp của các phạm trù nghĩa trong Thái độ và điều chỉnh mức độ tham gia của người nói/ người viết vào phát ngôn trong Giọng điệu.

Bài viết này đi sâu khảo sát và nghiên cứu về “Tiêu điểm” (Focus) - một trong hai khía cạnh của bình diện Thang độ và các nguồn lực thể hiện Tiêu điểm trong các phát ngôn tiếng Việt thể hiện Thái độ đánh giá ngoại hình con người theo lý thuyết của trường phái Ngôn ngữ học chức năng hệ thống, cụ thể là Khung thẩm định (Appraisal framework) của Martin & White [7].

2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu “Tiêu điểm” trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt, bài viết đã khảo sát và phân tích 1.322 đoạn văn bản, câu bình luận, đánh giá ngoại hình trên 192 bài báo, bài đăng, video trên các báo điện tử (Vietnamnet, VNExpress, Kenh14, aFamily...); các nền tảng xã hội như Facebook cá nhân, Zalo cá nhân, fanpage, nhóm riêng tư, Tiktok và một số chương trình truyền hình (Vietnam's Next Top Model mùa 9, Rap Việt, Ca sĩ mặt nạ)... . Ngữ liệu được mô tả và phân loại và phân tích theo các bình diện của Khung thẩm định (Appraisal framework) của Martin và White [7].

Phân tích diễn ngôn kết hợp với phân tích ngữ cảnh và miêu tả là các phương pháp chính được sử dụng để tiến hành nghiên cứu này.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Một số vấn đề lý luận có liên quan

3.1.1. Khung thẩm định của Martin và White

Để nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá một cách hệ thống, Martin và các cộng sự đã đưa ra Khung thẩm định (Appraisal Framework). Theo đó, thuật ngữ “Appraisal” là thuật ngữ bao trùm tất cả các ngôn từ dùng để đánh giá. Ba hệ thống quan trọng trong khung thẩm định là *Thái độ*, *Thang độ* và *Giọng điệu*. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chỉ đề cập đến hai bình diện Thái độ và Thang độ.

* Viện Ngôn ngữ học; Email: nguyenphuong83qlkh@gmail.com

Thái độ (Attitude) biểu thị cảm xúc hoặc thái độ tích cực hay tiêu cực của chủ thể đánh giá đối với đối với các sự vật, hiện tượng hoặc tác động để người khác có cùng thái độ với mình. Hệ thống Thái độ gồm ba phạm trù nghĩa là “Tác động” (Affect), “Phán xét” (Judgement) và “Thẩm giá” (Appreciation). “Tác động” thể hiện các cảm xúc: yêu, ghét, mong muốn, hạnh phúc, hài lòng,... của chủ thể đánh giá đối với các thực thể xung quanh. “Phán xét” chỉ thái độ của chủ thể đối với con người và cách hành xử của con người. “Thẩm giá” là đánh giá của chủ thể về sự vật hiện tượng Martin & White [7, tr.56].

Có thể thấy hình dung tiêu hệ Thái độ qua các Sơ đồ dưới đây:

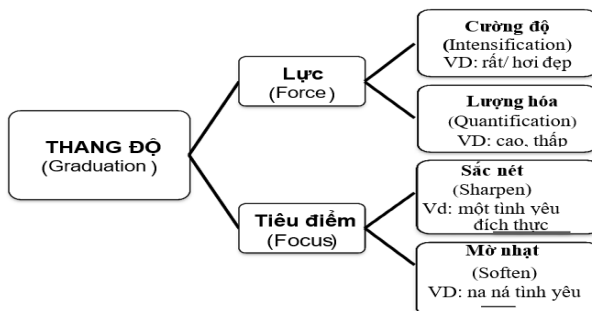


Sơ đồ 1. Hệ thống Thái độ (Attitude)

Để bộc lộ Thái độ tích cực hay tiêu cực, chủ thể đánh giá phải tìm cách tăng hay giảm mức độ đánh giá của mình, làm cho các giá trị của thuộc tính được phân giải ở mức độ cao hơn hay thấp hơn. Và Thang độ (Graduation) là bình diện thực hiện chức năng này. Hệ thống Thang độ giúp chủ thể đánh giá có thể điều chỉnh Thái độ nhẹ nhàng hoặc quyết liệt hơn. Thang độ liên quan đến việc tăng - hạ mức độ (up-scaling - down scaling) [4, tr. 83]. Martin và White khẳng định: “Ngữ nghĩa của Thang độ là trung tâm của hệ thống thâm định” [7, tr.134].

Thang độ được chia thành hai tiểu hệ thống dựa trên phạm trù được đánh giá: Lực (Force) và Tiêu điểm (Focus).

Lực bao gồm những đánh giá về: Cường độ (Intensification) và Lượng hoá (Quantification), dùng để Nâng cấp - Hạ cấp các đặc tính, quá trình có thể phân ra thành các cấp độ một cách rõ ràng. Còn Tiêu điểm thường áp dụng với những phạm trù không có tính phân cấp.



Sơ đồ 2. Hệ thống Thang độ

3.1.2. Tiêu điểm

Tiêu điểm được sử dụng để điều chỉnh ranh giới phân loại của một đối tượng hoặc khái niệm, nghĩa là làm cho nó rõ ràng hơn hoặc mờ đi. Martin & White phân Tiêu điểm thành hai loại là: Sắc nét (Sharpen) và Mờ nhạt (Soften) [7, tr.138-139].

- *Sắc nét*: nâng cấp nhằm nhấn mạnh, khẳng định đối tượng được/ bị đánh giá đáp ứng được các đặc điểm của nguyên mẫu một cách rõ ràng, đậm nét.

- *Mờ nhạt*: hạ cấp nhằm chỉ ra đối tượng được/ bị đánh giá chỉ đáp ứng được một phần mờ nhạt các đặc điểm của nguyên mẫu, chỉ có quan hệ ngoại biên với phạm trù nguyên mẫu.

Ví dụ: *Cái na ná tình yêu thì có trăm nghìn / Nhưng đích thực tình yêu duy chỉ có một.* (Thơ Puskin)

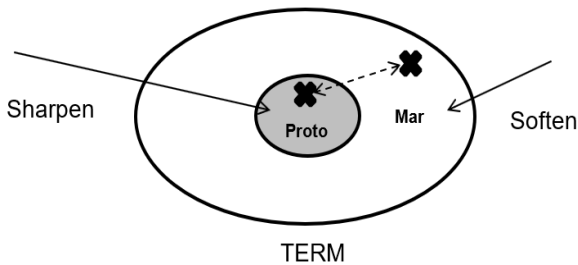
+ *Cái na ná tình yêu* (“*na ná*”: làm mờ ranh giới, giảm độ điển hình -> Tiêu điểm: Mờ nhạt)

+ *Đích thực tình yêu.* (“*đích thực*”: nhấn mạnh mức độ chính xác, điển hình -> Tiêu điểm: Sắc nét)

Như vậy, Tiêu điểm được áp dụng với những phạm trù về bản chất không thể phân cấp (non-gradable). Theo đó, Tiêu điểm là sự biểu đạt để xác nhận mức độ vật được đánh giá khớp với điển mẫu - một gốc giả định đến đâu.

Tiêu điểm có thể làm tăng mức độ (up - scale), gọi là *Sắc nét* (Sharpen) hoặc làm giảm mức độ (down - scale, gọi là *Mờ nhạt* (Soften). Để nhấn mạnh, làm *Sắc nét* (Sharpen), Tiêu điểm được đặt tại trung tâm điển mẫu. Để làm *Mờ nhạt* (Soften), Tiêu điểm dịch chuyển sang phần ngoại biên.

Có thể hình dung qua hình dưới đây:



Hình 1. Vị trí Tiêu điểm (Focus)

* Chú thích:

Term: Từ ngữ/Thuật ngữ;

Proto (viết tắt Prototypicality): Điển mẫu - thuộc tính đặc trưng nhất của đối tượng;

Mar (viết tắt Marginal): Phần biên - thuộc tính khác của đối tượng;

Sharpen: Nhấn mạnh (*Sắc nét*)

Soften: Làm dịu (*Mờ nhạt*)

✱: Vị trí Tiêu điểm

Tiêu điểm được hiện thực hóa bằng các nguồn lực từ vựng, ngữ pháp đặc trưng, chẳng hạn, trong tiếng Anh, các đánh giá *Sắc nét* thường được thể hiện qua các từ *true, real, genuine* (*thật, đúng*)..., đánh giá *Mờ nhạt* thường được thể hiện qua các từ *kind of, of sorts* (*kiểu, dạng như*)...

3.2. “Tiêu điểm” trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt

3.2.1. Các nguồn lực từ vựng thể hiện “Tiêu điểm”

Hiện thực hoá Tiêu điểm với mục đích nhấn mạnh hoặc làm giảm bớt đặc trưng vốn không thể phân cấp được cũng là một biện pháp tương đối phổ biến trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt. Từ các ví dụ thu thập được, chúng tôi chia các nguồn lực hiện thực hoá Tiêu điểm theo hai tiêu chí là đánh giá *Sắc nét* (nhấn mạnh) (26 phương tiện) và đánh giá *Mờ nhạt* (giảm nhẹ) (13 phương tiện). Cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 1. Nguồn lực từ vựng tiếng Việt hiện thực hoá Tiêu điểm trong đánh giá ngoại hình

Đánh giá <i>Sắc nét</i> (Tăng cường)	Đánh giá <i>Mờ nhạt</i> (Giảm nhẹ)
<i>Đúng, kiểu, dạng, đúng kiểu, đúng chất, đậm chất, đúng chuẩn, chuẩn, kiểu, chính là, thực sự, đậm nét, thuần, đơn thuần, giống, như, như là, như thế, y như, y hệt, y chang, y lột, không khác gì, rất, hơn, hơn cả.</i>	<i>Hao hao, có vẻ, một chút, có nét, mang nét, có hơi hướng, không thuần, chưa chuẩn, thua, kém, thua xa, kém xa, chẳng giống tí nào.</i>

3.2.1.1. Đánh giá Sắc nét

Đánh giá làm Sắc nét thêm đặc trưng của ngoại hình được thể hiện qua 26 phương tiện thuộc nguồn lực từ vựng. Thông qua các nguồn lực này, Tiêu điểm đã thể hiện rõ nét Thái độ của chủ thể đánh giá bằng cách nhấn mạnh các đặc trưng ngoại hình tiêu biểu của người được đánh giá. Xét các ví dụ sau:

(1) *Rose **đúng kiểu** nàng thơ ý!* (Thái độ: Tích cực ; Tiêu điểm: Sắc nét).

(Bình luận post về JISOO, JENNIE, ROSÉ và LISA trên page Hóng Hót Showbiz)

(2) *Khuôn mặt đẹp **kiểu** hiện đại, tỉ lệ cân đối đỉnh của đỉnh.* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Sắc nét).

(Bình luận về nữ diễn viên Angelina Jolie)

(3) *Gương mặt **Quế Anh đậm chất** điện ảnh.* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Sắc nét).

(Bình luận trên post về Tân Miss Grand Vietnam 2024 Võ Lê Quế Anh của page Theanh28 Entertainment)

(4) *Cô ấy **chính là** định nghĩa của cái đẹp.* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Sắc nét).

(Bình luận về nữ diễn viên Angelina Jolie trên Tiktok)

(5) ***Chuẩn** về đẹp éo lá, thiếu nam tính.* (Thái độ: Tiêu cực; Tiêu điểm: Sắc nét).

(Bình luận trên post “Nam sinh 19 tuổi gây sốt 'vì đẹp trai’” của báo Vnexpress)

Các ví dụ trên đều là các diễn ngôn thể hiện sự Thẩm giá của các chủ thể đánh giá đối với ngoại hình của các đối tượng được nhắc đến. Các đánh giá Sắc nét đầy hiệu ứng cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực của chủ thể lên cao và đậm nét.

Các gốc giả định là *nàng thơ*, (*phong cách*) *hiện đại*, *điện ảnh*, *định nghĩa của cái đẹp*... được dùng nhằm chỉ rõ, khẳng định đặc điểm của các đối tượng được/ bị đánh giá, làm Sắc nét hơn về đẹp ngoại hình của họ, giúp người nghe có được hình dung rõ hơn về các đặc trưng ngoại hình. Gần đây, từ *nàng thơ* xuất hiện phổ biến và rộng rãi trên mạng xã hội, thường được dùng để mô tả về những cô gái có phong cách mơ mộng, mềm mại, nữ tính, yêu thích “style” nhẹ nhàng. Một gương mặt được coi là có *nét điện ảnh* là một gương mặt đẹp, ăn hình, sáng sủa, sắc sảo. Các đánh giá Sắc nét này giúp nhấn mạnh thái độ đánh giá cực của chủ thể. Còn về *đẹp éo lá, thiếu nam tính* trong VD5 thì được dùng để miêu tả dáng vẻ yếu điệu, thướt tha một cách yếu ớt của một chàng trai, tô đậm thái độ tiêu cực của chủ thể đánh giá. Các đặc trưng về ngoại hình được miêu tả ở trên được làm Sắc nét thêm nhờ các từ vựng như *đúng kiểu*, *nét*, *chuẩn*, phát huy tác dụng tạo sự liên tưởng ngay lập tức đến gốc giả định được nhắc đến, từ đó, người nghe có sự hình dung rõ nét hơn về ngoại hình của đối tượng được/ bị đánh giá. Thông qua việc làm Sắc nét các đặc điểm ngoại hình, thái độ của chủ thể đánh giá cũng được tô đậm. Thái độ đó là tích cực hay tiêu cực phụ thuộc vào ngữ nghĩa của phạm trù dùng làm gốc giả định có phù hợp với tiêu chuẩn thẩm mỹ của chủ thể đánh giá hay không.

Trong quá trình phân tích ngữ liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy một hiện tượng khá phổ biến đó là một số danh từ đã được chuyển loại thành tính từ và kết hợp với phó từ chỉ mức độ như *rất, rất là*... để hiện thực hoá tiêu điểm. Chẳng hạn:

(6) *Mặt **rất hoa hậu**.* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Sắc nét)

(Bình luận trên post về Tân Miss Grand Vietnam 2024 Võ Lê Quế Anh trên Tiktok)

(7) *Đôi vai của bạn là một đôi vai **rất là showbiz** và cái khuôn mặt của bạn, ở bạn có đeo hai cái khuyên mắt nữa **rất là nghệ sĩ**.* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Sắc nét)

(Nhận xét của giám khảo về thí sinh trong chương trình Vietnam Nextop Models)

(8) *Bé này xinh **kiểu baby** ấy!* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Sắc nét).

Trong trường hợp này, *hoa hậu*, *showbiz*, *nghệ sĩ* hay *baby* không còn là danh từ nữa mà nó mang tính chất của tính từ và có nghĩa: mang đặc trưng của hoa hậu, mang tính chất của showbiz,

mang phong cách của nghệ sĩ... Khi chúng ta nói *Mặt rất hoa hậu* có nghĩa là người đánh giá đang muốn nhấn mạnh nét đẹp của ai đó là nét đẹp của hoa hậu (thanh lịch, toả sáng, khuôn mặt có tỉ lệ vàng, ngũ quan cân đối...). Phó từ chỉ mức độ *rất* đã phát huy vai trò khẳng định thêm nét đặc trưng nổi bật đó. Tương tự với cụm *rất là showbiz* và *rất là nghệ sĩ*. Chúng ta đều biết những người làm trong lĩnh vực nghệ thuật thường có ngoại hình sáng và cuốn hút, mang những đặc trưng ngoại hình tiêu chuẩn của lĩnh vực đó (nổi bật, thời trang, phong cách...). Việc đánh giá *đôi vai* theo tiêu chuẩn showbiz hay *khuyên mắt* theo tiêu chuẩn của giới nghệ sĩ đều nhằm mục đích nhấn mạnh đặc trưng ngoại hình khớp với một góc giả định, ở đây là những người làm trong lĩnh vực nghệ thuật. Các đánh giá Sắc nét này đều để thể hiện Thái độ tích cực của chủ thể.

3.2.1.2 Đánh giá Mờ nhạt

Đánh giá làm mờ nhạt hoặc giảm nhẹ đặc trưng của ngoại hình được thể hiện qua 13 nguồn lực từ vựng, ít hơn so với nguồn lực từ vựng của đánh giá Sắc nét, điều này thể hiện khi đánh giá về ngoại hình, người Việt chúng ta thường có xu hướng nhấn mạnh bản chất đặc trưng của ngoại hình hơn là làm mờ nhạt đi các đặc trưng. Xét các ví dụ sau:

(9) *Mặt có một chút Danielle, một chút Eunhae, một chút Jennie, một chút Hoshi cộng lại, nhưng mà cuốn ghê trời.* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Mờ nhạt)

(Bình luận trên post giới thiệu thành viên Ella của nhóm nhạc kpop MEOVV trên page K Crush)

(10) *Vương phu nhân này trông lẳng lơ quá, không đúng chất nữ cường nhân như truyện mà giống kiểu Mã phu nhân hơn.* (Thái độ: Tiêu cực; Tiêu điểm: Mờ nhạt)

(Bình luận trên post “Mỹ nhân quyền rũ nhất ‘Thiên Long Bát Bộ’ ngày ấy, bây giờ” của báo Vnexpress)

(11) *Cô này không đẹp theo vẻ đẹp thuần Việt.* (Thái độ: Tiêu cực; Tiêu điểm: Mờ nhạt)

(Bình luận trên post “H’Hen Niê - từ vẻ đẹp gây tranh cãi đến “Nhan sắc vượt thời gian” của báo Vnexpress)

(12) *Trân đẹp sắc sảo, thông minh, nhưng Trân không mang một nét đẹp thuần Việt như Huyền.* (Thái độ: Tiêu cực; Tiêu điểm: Mờ nhạt).

(Bài báo “Nét đẹp thuần Việt là vô giá” trên báo Vnexpress)

Ở ví dụ 9, *một chút* được đặt trước các danh từ làm cho gương mặt của thành viên Ella - nhóm nhạc kpop MEOVV trong mắt của chủ thể đánh giá mang hơi hướng phong cách của *Danielle, Eunhae, Jennie, Hoshi* nhưng không phải là bản sao của những nhân vật này. Đây là một Tiêu điểm mờ nhạt, làm giảm nhẹ phản ứng và ấn tượng của chủ thể đánh giá trước tác động ngoại hình của đối tượng đánh giá so với các điển mẫu gốc.

Tương tự, trong các ví dụ tiếp theo, cụm từ phủ định “*không đúng chất nữ cường*”(VD 10) được dùng để làm mờ nhạt đi đặc trưng nữ cường nhân của Vương phu nhân, cụm từ “*không đẹp theo kiểu thuần Việt*” (VD 11) được dùng để làm mờ nhạt đi đặc trưng của vẻ đẹp thuần Việt của hoa hậu H’Hen Niê, cụm “*không mang một nét đẹp thuần Việt*” (VD 12) được dùng để làm mờ đi vẻ đẹp thuần khiết Việt Nam của Trân so với Huyền.

Tiếp tục xét hai ví dụ dưới đây:

(13) *Gương mặt bạn này có nét dân tộc Dao.* (Thái độ: Tích cực; Tiêu điểm: Mờ nhạt)

(Bình luận về nhân vật Pu trong Page phim “Đi giữa trời rục rừ”)

(14) *Nét đẹp này đại trà nhĩ. Không thấy có nét hoa hậu ý!* (Thái độ: Tiêu cực; Tiêu điểm: Mờ nhạt)

(Bình luận trên post về Tân Miss Grand Vietnam 2024 Võ Lê Quế Anh của page Theanh28 Entertainment)

Ở ví dụ 13, “*có nét dân tộc Dao*” là một đánh giá với Tiêu điểm Mờ nhạt. gương mặt Pu chỉ “phẳng phát” chứ không phải *đậm* nét Dao. Ở đây, vị trí của Tiêu điểm đã di chuyển đến phần biên của phạm trù Dao. Còn trong ví dụ 14, cụm từ “*Không thấy có nét hoa hậu*” là một đánh giá “cực” Mờ nhạt, với tiêu điểm đã di chuyển đến đường biên, thậm chí có xu hướng vượt ra khỏi đường biên rộng nhất của phạm trù “hoa hậu”. Điều này chứng tỏ thái độ đánh giá rất thấp của chủ thể về ngoại hình của Quế Anh, cho rằng vẻ đẹp cô gái này không xứng đáng là hoa hậu.

Bên cạnh các cách diễn đạt hiển ngôn, Tiêu điểm còn được thể hiện qua cách nói hàm ngôn. Chẳng hạn: *Song le sao khéo kén đôi/ Chông môm cá ngão, vợ môi cá mè.* (Ca dao)

Trong câu ca dao trên, *môm cá ngão, môi cá mè* là những đánh giá Sắc nét, thể hiện Thái độ của các tác giả dân gian, cho rằng miệng của anh chồng là điển hình của loại miệng rộng đến mang tai, y hệt như môm con cá ngão, còn môi của chị vợ là điển hình cho loại môi dày, trề ra, y hệt như môi con cá mè. Vị trí Tiêu điểm trong trường hợp này nằm ở phần trung tâm, thể hiện sự đánh giá sát với điển mẫu, mang những đặc trưng tiêu biểu của điển mẫu “cá ngão”, “cá mè”. Ở đây, Tiêu điểm được thể hiện gián tiếp bằng hàm ngôn, thông qua hình thức ẩn dụ, thể hiện thái độ “chê” ngoại hình của các nhân vật được nói đến. Điển mẫu được lựa chọn cũng gắn với đặc trưng văn hoá của người Việt. Việc lí giải các Tiêu điểm như thế này phải gắn với đời sống sinh hoạt, nhân sinh quan của người Việt, dân tộc Việt. Tương tự, người Việt thường sử dụng những cách tương tự để đánh giá ngoại hình, chẳng hạn “*mắt lá rằm, lông mày lá liễu*” cũng là một hình thức đánh giá Sắc nét thông qua ẩn dụ thể hiện thái độ “khen” một người phụ nữ có mắt giống hình lá rằm và lông mày giống hình lá liễu - theo quan niệm của người Việt là đẹp.

Ngoài ra, người Việt còn có một số điển mẫu mang tính đặc trưng dân tộc như: Biểu tượng của người phụ nữ có ngoại hình xinh đẹp là Thuý Kiều, xấu là Thị Nở. Từ đó, cũng hình thành nên những cách diễn đạt hiện thực hoá tiêu điểm rất đặc trưng “*như Thuý Kiều*” “*như Thị Nở*”.

Tóm lại, với tiểu hệ thống Tiêu điểm thì ngay cả những phạm trù không thể phân cấp vẫn có thể được làm cho rõ nét thêm hoặc làm mờ đi bằng cách tăng mạnh hoặc giảm nhẹ những đặc trưng về ngoại hình so với phạm trù gốc. Qua đó, chủ thể đánh giá sẽ thể hiện thái độ của mình thông qua việc làm Sắc nét hoặc Mờ nhạt bản chất đặc trưng ngoại hình của đối tượng được/bị đánh giá trong tương quan với chuẩn thẩm mỹ của cá nhân hoặc cộng đồng.

3.2.2. Các phương tiện ngữ pháp thể hiện “Tiêu điểm”

Ngoài các phương tiện từ vựng, các phương tiện ngữ pháp cũng là một nguồn lực để hiện thực hoá tiêu điểm. Trong đánh giá ngoại hình, tiêu điểm được thể hiện chủ yếu qua các cấu trúc so sánh. Ví dụ:

(15) *Cổ tay em trắng như ngà*

Con mắt em liếc như là dao cau

Miệng cười như thể hoa ngâu

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen. (Ca dao)

(16) *Đẹp như nữ thần tình yêu bước ra từ thần thoại.*

(17) *Giống công chúa Elsa bản ngoài đời.*

(18) *Trời ơi bà y như búp bê Barbie vậy!*

(Bình luận trên Video của Miss World Karolina)

(19) *Y chang như mấy bà Pé đê nhảy nhót ở sân khấu hội chợ luôn!*

(20) *Hình thể giống gái có con quá.*

(Bình luận về Hoa hậu Kỳ Duyên trước thềm cuộc thi Miss Univeser International 2024)

Các cấu trúc so sánh bằng được nhận diện bằng sự xuất hiện của các từ so sánh: *như, như là, như thể, y như, giống, y chang, y lột...*, có tác dụng chỉ rõ, khẳng định đặc điểm ngoại hình của các đối tượng được/bị đánh giá là đáp ứng đủ tiêu chuẩn của mẫu giả định, làm sắc nét hơn về đẹp ngoại hình của họ, giúp người nghe có được hình dung rõ hơn về các đặc trưng ngoại hình được nhắc đến thông qua những hiểu biết nền về các mẫu/ mẫu giả định được đưa ra làm chuẩn so sánh. Một lần nữa, không khó để nhận ra nhiều mẫu giả định được chọn làm điển mẫu cho cái đẹp về ngoại hình của người Việt gắn bó chặt chẽ với đời sống và quan niệm thẩm mỹ rất riêng của dân tộc Việt: Trắng như ngà, mắt sắc như *dao cau*, miệng cười như *hoa ngâu, hoa sen* v.v.

Các cấu trúc so sánh hơn đặc trưng bằng các từ so sánh: *hơn, hơn cả...* được dùng để nhấn mạnh các đặc điểm ngoại hình vượt trội của các đối tượng bị đánh giá so với mẫu (dù đôi khi sự đánh giá này mang tính tượng trưng, nói quá) với mục đích tăng cường thang độ, đẩy dần lên mức cực cấp, nhằm nhấn mạnh Thái độ đánh giá tích cực hoặc tiêu cực về một hoặc một vài đặc trưng ngoại hình đặc biệt ấn tượng nào đó.

(21) *Tường San xinh hơn cả hoa hậu nữ luôn á trời!*

(22) *Tường San xinh quá xinh còn hơn con gái thật!*

(Bình luận về Á hậu chuyển giới Tường San)

(23) *Công nhận đẹp hơn cả mô hình búp bê Elsa luôn á nét đẹp không tì vết càng nhìn càng thấy đẹp nhẹ nhàng, đẹp dịu dàng luôn.*

(Bình luận trên Video của Miss World Karolina)

Bên cạnh các cấu trúc nói trên, đánh giá Sắc nét trong Tiêu điểm còn được hiện thực hoá một số cấu trúc khá đặc biệt, chẳng hạn:

(24) *Cha của đẹp!*

(25) *Thị Nở gọi bằng cụ!* (Tư liệu quan sát và ghi chép)

Ví dụ 24 là một cách nói quen thuộc của phương ngữ Nghệ An. “Cha của đẹp” là một cách nói ẩn dụ, thể hiện Thái độ đánh giá tích cực (Phản ứng +; Tiêu điểm; Sắc nét), mang ý nghĩa “đẹp hơn cả chuẩn đẹp”. Tương tự, cấu trúc “(mẫu giả định) gọi bằng cụ!” là một cách nói dân gian khá phổ biến, dùng trong khẩu ngữ, được sử dụng để nhấn mạnh ở mức độ cao Thái độ đánh giá tiêu cực về đặc điểm ngoại hình của đối tượng bị đánh giá là “còn xấu hơn nhiều lần so với nguyên mẫu”. Qua đây, có thể thấy, nét đặc trưng dân tộc, đặc trưng của địa phương không chỉ được tìm thấy trong các nguồn lực từ vựng mà còn ẩn chứa trong cả các cách diễn đạt ngữ pháp.

Tóm lại, cấu trúc so sánh bằng và so sánh hơn thể hiện ý nghĩa đối tượng được so sánh có vẻ bề ngoài đáp ứng đầy đủ hoặc vượt trội các tiêu chí của mẫu giả định, qua đó tăng cường ý nghĩa đánh giá tích cực hay tiêu cực (tùy thuộc vào bản chất của nguyên mẫu).

Ngược lại, cấu trúc so sánh kém đặc trưng bằng các từ so sánh không bằng, kém, kém xa... thể hiện ý nghĩa đối tượng đánh giá chỉ đáp ứng được một phần hoặc đáp ứng ở mức độ thấp các tiêu chí của mẫu giả định. Đánh giá Mờ nhạt trở thành cực cấp khi mẫu giả định được chủ thể đánh giá chọn là những đối tượng có nhan sắc không có gì nổi trội, bình thường, thậm chí tầm thường. Chẳng hạn:

(26) *Nhan sắc kém xa mấy em Điện máy xanh.*

(27) *Nhan sắc thua người yêu tao.*

(Bình luận trên post về Tân Miss Grand Vietnam 2024 Võ Lê Quế Anh của page Theanh28 Entertainment)

Trong các ví dụ trên, nhan sắc của Hoa hậu Quế Anh được đánh giá là “thua, kém xa” so với các em nhận viên Điện máy xanh, thậm chí là thua “người yêu” của chủ thể đánh giá. Mẫu được

mang ra so sánh là những người “vô danh tiểu tốt” trong địa hạt nhan sắc, mà đương kim Hoa hậu vẫn không bằng. Vậy rõ ràng, Thái độ đánh giá ở đây là tiêu cực ở mức độ rất cao.

Khi đối tượng đánh giá không đáp ứng được bất cứ tiêu chí nào của mẫu, có thể sử dụng cấu trúc “A không/chẳng giống B tí nào” (A là đối tượng đánh giá; B là Gốc/ mẫu giả định).

(28) *Con này mắt cứ trợn lên nhìn cái mặt câng câng chẳng giống gái thổ Lạng Sơn tí nào!*
(Bình luận về diễn viên Thu Hà Ceri, phim “Đi giữa trời rục rỡ”).

4. Kết luận

Tiêu điểm là một khía cạnh quan trọng thuộc bình diện Thang độ, biểu đạt sự xác nhận sự vật, hiện tượng được đánh giá khớp với gốc giả định ở mức độ nào. Tiêu điểm thể hiện thái độ đánh giá thông qua hình thức nâng cấp nhằm khẳng định, nhấn mạnh đặc điểm sự vật, hiện tượng khớp với nguyên mẫu hoặc hạ cấp để chỉ ra sự vật chỉ có quan hệ ngoại biên với phạm trù nguyên mẫu. Qua nghiên cứu các ví dụ thuộc phạm vi khảo sát, có thể thấy, trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt, Tiêu điểm được thể hiện bằng các nguồn lực từ vựng và ngữ pháp tương đối phong phú.

Tiêu điểm trong ngôn ngữ đánh giá ngoại hình tiếng Việt có thể được thể hiện một cách hiển ngôn thông qua các yếu tố từ vựng trực tiếp mang nghĩa đánh giá hoặc hàm ngôn thông qua hình thức ẩn dụ, các cấu trúc so sánh hàm ẩn. Nhiều điển mẫu được lựa chọn mang đặc trưng văn hoá của dân tộc Việt, gắn với đời sống và quan niệm về cái đẹp của người Việt.

Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá ngoại hình trong tiếng Việt ở khía cạnh Tiêu điểm góp phần làm rõ hơn lí thuyết về ngôn ngữ đánh giá của Martin & White cũng như các nguồn lực đánh giá trong tiếng Việt, đặc biệt là trong lĩnh vực đánh giá ngoại hình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Bích Hồng. *Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ đánh giá trong tiếng Anh và tiếng Việt trên cứ liệu bài tạp chí chuyên ngành ngôn ngữ học*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội. 2023.
2. Nguyễn Thị Hương Lan. *Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (So sánh sách tiếng Anh tiểu học ở Singapore và sách tiếng Việt tiểu học ở Việt Nam)*. Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. 2018.
3. Nguyễn Thị Mỹ Lệ. *Ngôn ngữ đánh giá trong trong sách giáo khoa Tiếng Anh cấp trung học cơ sở tại Việt Nam dưới góc độ ngữ pháp chức năng hệ thống*. Luận án tiến sĩ, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. 2023.

Tiếng Anh

4. Coffin, C., & O’Halloran, K. *The role of appraisal and corpora in detecting covert evaluation*. *Functions of language*, 13(1), 77-110. 2006.
5. Halliday, M.A.K., & Matthiessen, C. M. I. M.. *An Introduction to Functional Grammar* (3rd ed.). London: Hodder Education. 2004.
6. Hunston S. *Corpus Approaches to Evaluation: Phraseology and Evaluative Language*. Routledge, UK. 2011.
7. Martin J.R., White P.R.R. *The Language of Evaluation: Appraisal in English*. Palgrave Macmillan, Hampshire-New York, USA. 2005.
8. Thompson G., Alba-Juez L. *Evaluation in Context*. John Benjamins Publishing Company. 2014.
9. Thu, T. B. N. *The deployment of the language of evaluation in English and Vietnamese spoken discourse*. The University of Sydney. 2013.